

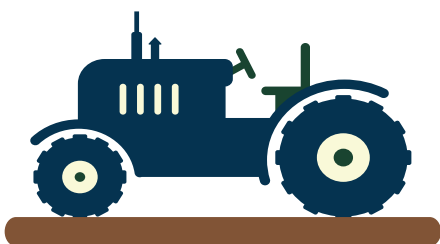


TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG NĂM VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu tính đến 20/5/2025 (so với cùng kỳ năm trước)



2.970,9 nghìn ha

▲ 0,6%

Lúa đông xuân

435,1

nghìn ha

▼ 0,5%

Ngô

48,0

nghìn ha

▼ 5,2%

Khoai lang

98,4

nghìn ha

▼ 3,2%

Lạc

11,4

nghìn ha

▼ 8,4%

Đậu tương

619,2

nghìn ha

▲ 2,1%

Rau các loại

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 5/2025 so với cùng thời điểm năm trước



Lợn

▲ 3,6%



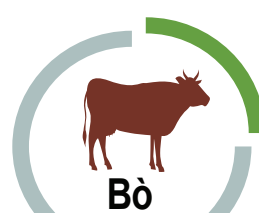
Gia cầm

▲ 3,5%



Trâu

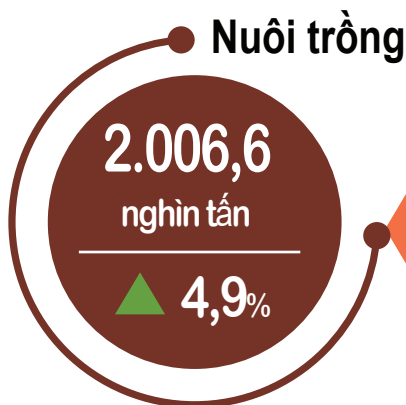
▼ 3,6%



Bò

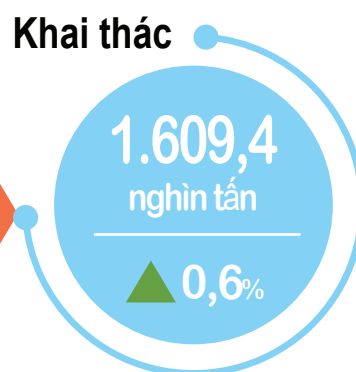
▼ 0,4%

Sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



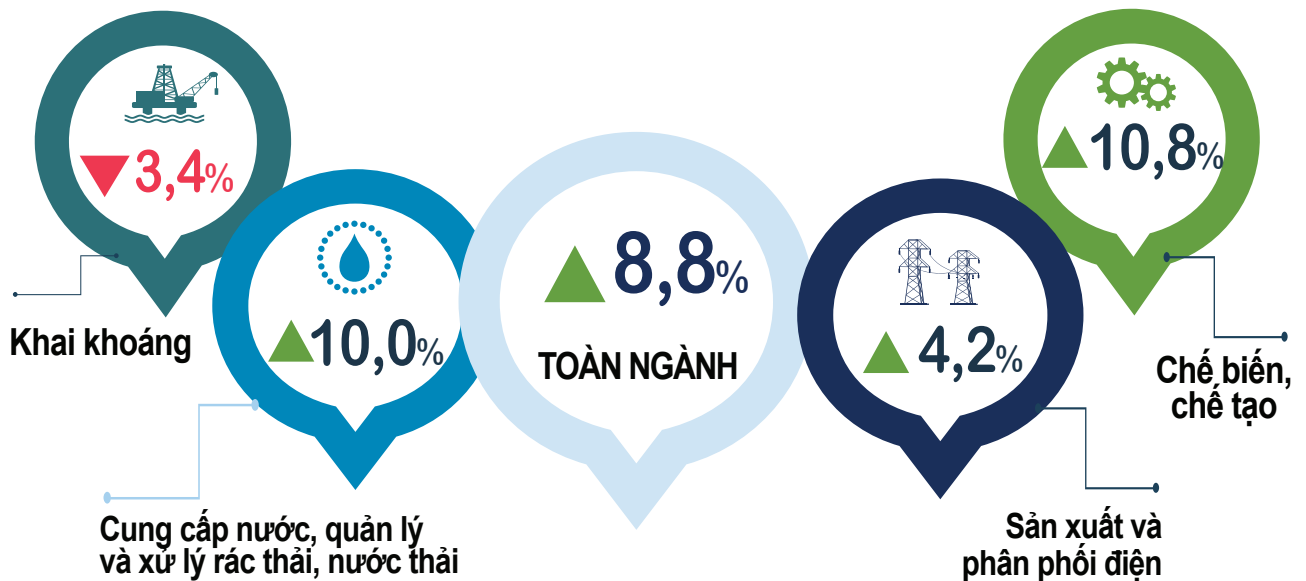
TỔNG SỐ
3.616,0
nghìn tấn

▲ 2,9%



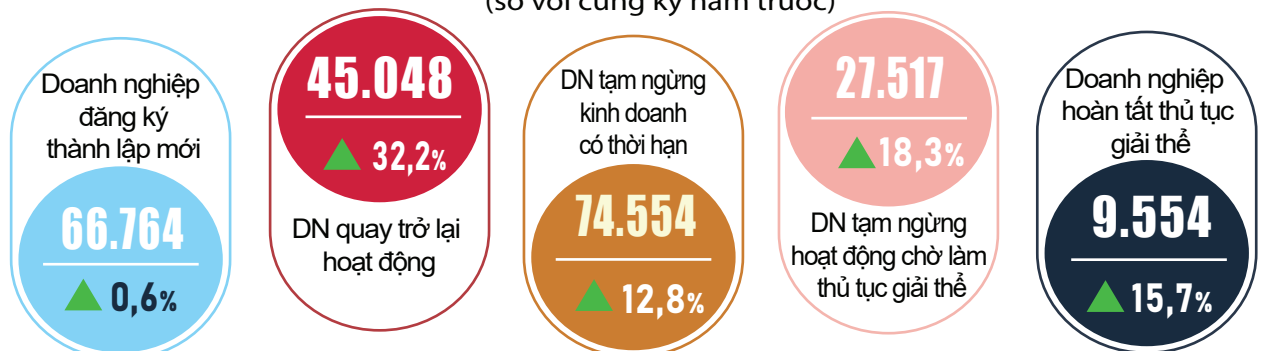
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Tốc độ tăng/giảm Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

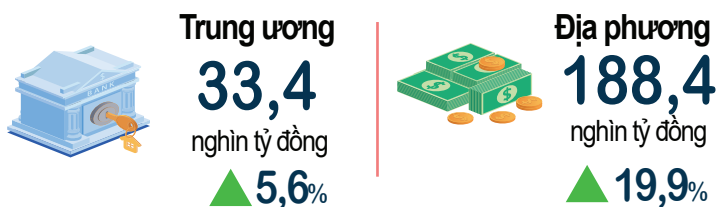
(so với cùng kỳ năm trước)



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

(so với cùng kỳ năm trước)

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 5 tháng đầu năm 2025



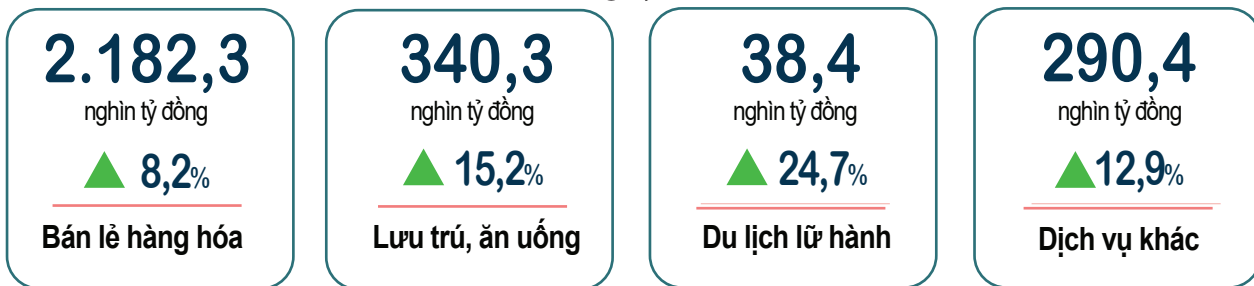
Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01-31/5/2025

Tổng vốn FDI vào Việt Nam
18,39 tỷ USD (+51,2%)

Tổng vốn FDI thực hiện
8,90 tỷ USD (+7,9%)

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

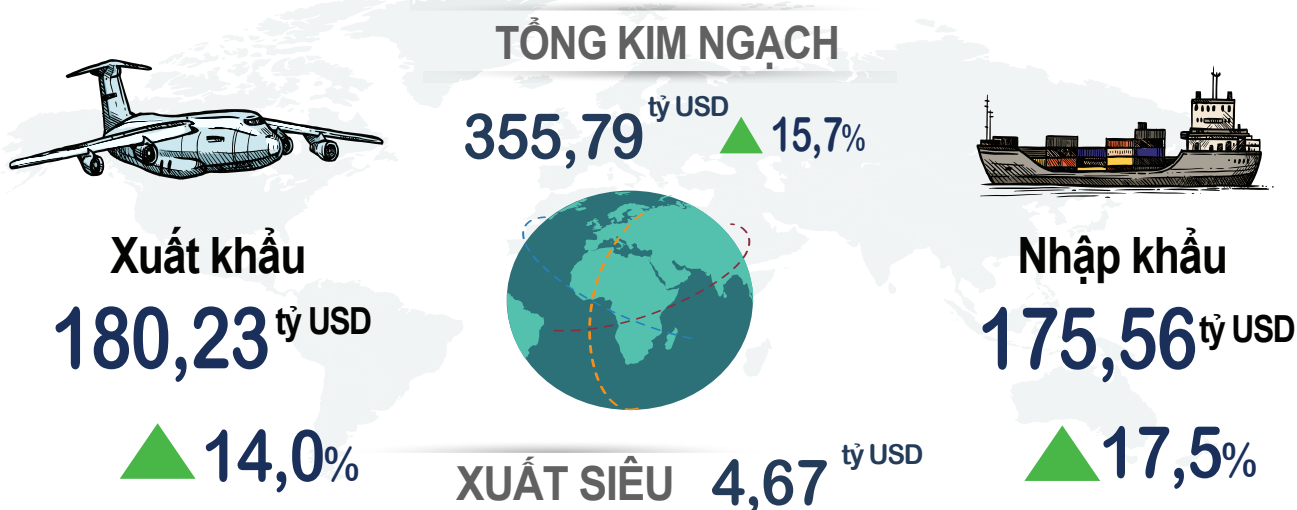
(so với cùng kỳ năm trước)



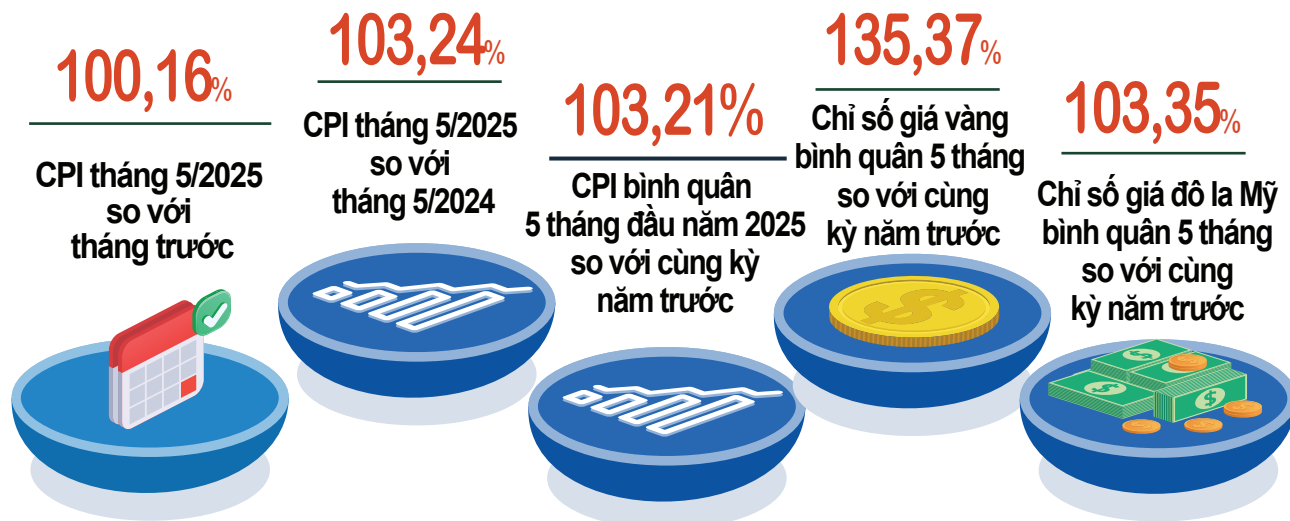
TỔNG SỐ | **2.851,4** nghìn tỷ đồng ▲ 9,7%

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(so với cùng kỳ năm trước)

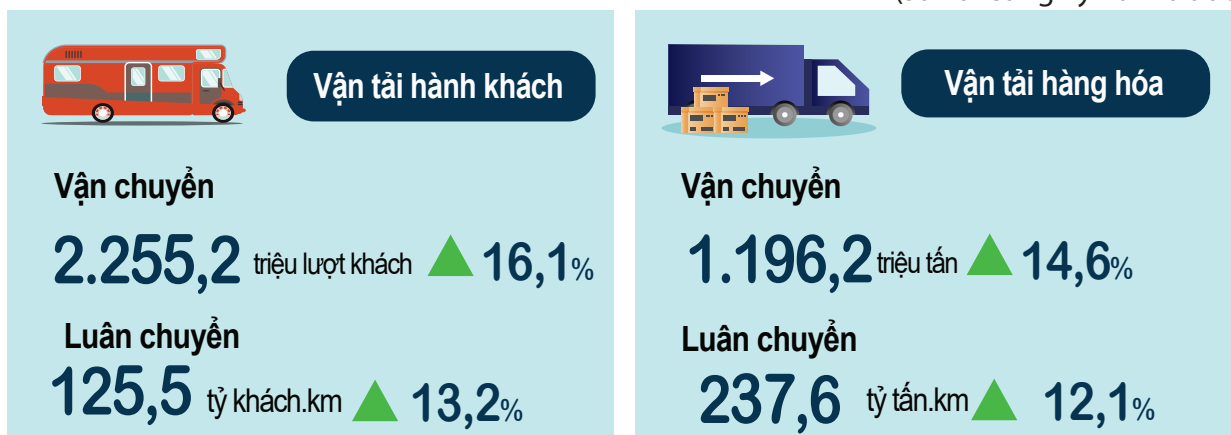


CHỈ SỐ GIÁ



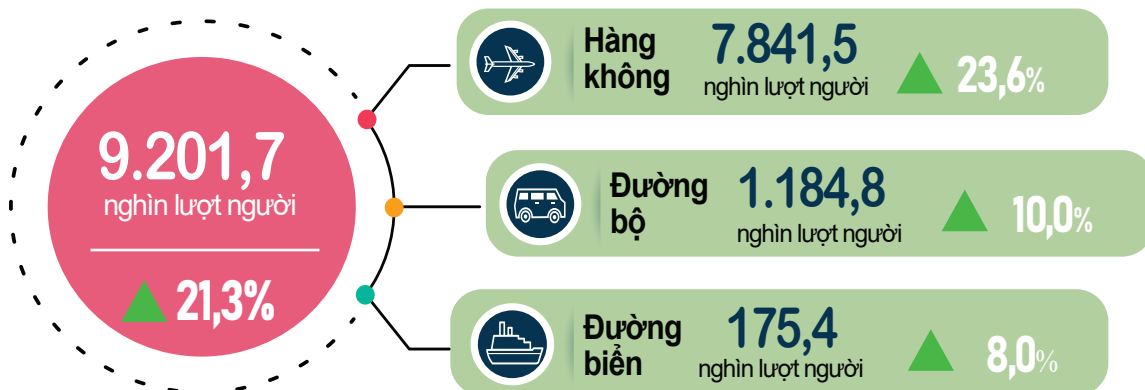
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(so với cùng kỳ năm trước)



KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(so với cùng kỳ năm trước)



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)



TAI NẠN GIAO THÔNG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

